TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8-QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 21/2026/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 39/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Y K, Sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, tỉnh Quảng Ngãi.

-Bị đơn: Anh A M, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn K, xã S, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Y K và anh A M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Y K và anh A M thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung:* Vợ chồng 02 con chung tên là Y K1, sinh ngày 07-11-2013 và Y Na R, sinh ngày 19-5-2016. Khi ly hôn, chị Y K và anh A M tự nguyện thỏa thuận:

- Giao con chung tên là Y K1 và Y Na R cho chị Y K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi và tự lập được.

- Anh A M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh A M có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Khi cần thiết, vì lợi ích con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chị Y K và anh A M mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Y K tự nguyện nộp thay toàn bộ án phí cho anh M. Như vậy, tổng số tiền án phí chị Y K phải nộp là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được trừ vào khoản tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị Y K đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0001832 ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Hoàn trả cho chị Y K số tiền đã nộp tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 8 – Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 8 – Quảng Ngãi;
- Sở Tư Pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã Sa Bình, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lý Trọng Nguyên